

Ngựa trong tranh Trung Quốc



Ngựa (*equus caballus*) đóng vai trò rất quan trọng trong lịch sử Trung Quốc. Nguồn gốc ngựa của Trung Quốc là từ Trung Á nhưng các chủng loại ngựa phổ biến hiện nay có gốc Mông Cổ. Ngựa đã xuất hiện ở Trung Quốc từ bao giờ? Giống động vật lớn này được thuần dưỡng tại Trung Quốc có lẽ khoảng 2500 năm tcn, nghĩa là cách nay khoảng trên 4000 năm. Đó là loài gia súc quý báu, sang trọng, cần chăm sóc đặc biệt. Những mảnh giáp cốt khai quật cho thấy ngựa đã được sử dụng vào đời Thương 商. Cuối đời

Cảnh chăn ngựa trong thực tế

dân đời Thương rất giỏi buôn bán, họ đã đánh xe đến những nơi xa xôi buôn bán rồi quay về. Từ

ngữ *Thương nhân* 商人 ban đầu ám chỉ cụ thể là «dân đời Thương» về sau được dùng để chỉ tất cả những người hoạt động kinh doanh (cũng giỏi giang như dân đời Thương); và đây chính là từ nguyên của từ tố «*thương*» trong các từ ngữ *thương nghiệp* 商業, *thương mại* 商賣, *thương nhân* 商人, v.v...

Nhiều người chưa quen với ý nghĩ cho rằng việc cưỡi ngựa cũng là một phát minh quan trọng như bao phát minh khác. Song song với việc nuôi ngựa là sự xuất hiện của các chiến xa hai bánh do ngựa kéo. Tuy nhiên, theo Wolfram Eberhard, xe ngựa không phải là phát minh của Trung Quốc, mà nó được du nhập từ Thổ Nhĩ Kỳ.

Các chiến xa hai bánh phổ biến cuối đời Thương chở ba người: người đánh xe, chiến sĩ (giới quý tộc), và người phục dịch (thí dụ đưa mũi tên hoặc trao vũ khí cho chiến sĩ sử dụng). Chiến xa là tài sản quý giá phải do thợ chuyên nghiệp chế tạo. Lúc đầu xe có hai cày, về sau cải tiến một cày cho hai ngựa kéo. Ngựa thì luôn đắt và hiếm tại Trung Quốc, và trong nhiều thời kỳ lịch sử của Trung Quốc, ngựa được mua trực tiếp từ các bộ tộc du mục ở các phương Bắc và Tây. Đồng thời, Trung Quốc đã tiếp thu thuật sử dụng ngựa như chiến mã, thuật nuôi dưỡng, thắng yên cương, v.v... tức là tiếp thu nền văn minh thảo nguyên của các bộ tộc du mục

như Đột Quyết,
Hung Nô, Si Vu,
Mông Cổ.



Trong chiến
tranh ở Trung Quốc
cổ đại, ngựa giữ vai
trò rất quan trọng có

thể gọi là nền tảng của sức mạnh quân sự. Các kỵ binh du mục trên lưng các chiến mã thần tốc và dũng mãnh luôn là mối kinh hoàng cho binh quân của Trung Quốc. Do đó Trung Quốc rất quan tâm tới vấn đề cung cấp và huấn luyện ngựa cho quân đội. Binh bộ vì thế cũng gọi là Tư Mã 司馬. Vì ngựa rất cần cho quân đội, nên nghề buôn ngựa có quan hệ đến giới lãnh đạo quân đội và chính trị của triều đình (như trương hợp của Lã Bất Vi, tương truyền ông là một người buôn ngựa). Một trong những danh tướng đời Hán là Mã Viện (14 tcn-49 cn) (tức Phục Ba tướng quân) nổi tiếng là sành ngựa. Tổ tiên của Mã Viện vốn là quan tướng của nước Triệu, một nước chuyên xuất khẩu ngựa và có lực lượng kỵ binh hùng mạnh. Tổ tiên của Mã Viện có danh hiệu là Mã Phục Quân (người giỏi thuần dưỡng ngựa) và vì thế con cháu về sau đều lấy họ Mã. Chính Mã Viện ban đầu là nhà chăn nuôi giàu có ở biên giới phía bắc, chuyên nuôi trâu, bò, cừu, ngựa. Ông có công chiến đấu giúp thành lập nhà Hậu Hán, nên trở thành danh tướng, và đã gả con gái cho một hoàng tử. Mã

Viện thích cười ngựa bắn cung. Mã Viện từng lấy một trống đồng (chiến lợi phẩm) nấu ra và đúc thành hình con ngựa, trên đó ghi dấu những vị trí mà người giám định ngựa cần biết, ngoài ra ông còn khắc nguồn gốc hiểu biết và kinh nghiệm về ngựa của ông tức là ông khắc tên thầy dạy ngựa cho ông và tên thầy của vị thầy đó, cứ thế lần lên đến 4 đời thầy dạy ngựa. Ông còn khắc trên tượng ngựa đồng rằng: «Ngựa là cơ sở của sức mạnh quân sự, là tài nguyên lớn của quốc gia.» Theo từ điển Từ Hải ghi chép, quan điểm của Mã Viện về chí khí nam nhi phải là xông pha trận mạc, da ngựa bọc thân, chứ không phải nằm chết trên giường trong vòng tay của thê tử.



Tranh Hàn Cán (đời Đường)

Ngoài giá trị quan trọng của ngựa trong vận tải và quân sự, người ta còn tìm thấy giá trị y học của ngựa, được mô tả trong *Bản Thảo Cương Mục* (xuất bản 1596). Theo sách này, chữ mã 馬 (ngựa) trong Hán văn là chữ tượng hình

(xem hình bên cạnh), phác họa hình dáng của ngựa. Rồi sách liệt kê tên các chủng loại ngựa và loại nào có tác dụng về mặt y học kèm theo sự mô tả giản lược, chẳng hạn giống ngựa thuần bạch là có tác dụng y học rất tốt. Loài ngựa phương nam và phương đông thì nhỏ thó và yếu đuối. Muốn biết tuổi ngựa thì xem răng của nó. Cho ngựa ăn lúa thì chân nó sẽ nặng nề. Cho nó ăn phân chuột thì bụng nó sẽ dài ra, v.v... (đại khái là cách nuôi dưỡng ngựa). Một tác phẩm khác xuất hiện vào thế kỷ XVII cn là *Mã Kinh* (sách kinh điển giảng về ngựa), trong đó ghi chép cách xem tướng ngựa, v.v...



Tranh Hàn Cán (đời Đường)

Vì những giá trị thực tế và quan trọng (thậm chí rất quý giá) của ngựa trong lịch sử Trung Quốc như vậy, nên không có gì ngạc nhiên khi ngựa trở thành một đề

tài quen thuộc trong hội họa Trung Quốc. Tuy nhiên, còn một lý do khác nữa để giải thích điều này, xuất phát từ quan niệm dân gian.

Dân gian cho rằng ngựa có đức tính trinh tiết, ý thức rõ quan hệ truyền chủng, không vi phạm cái mà luân lý loài người gọi là loạn luân. Như *Dịch Kinh* từ đời Chu đã ca ngợi là «Tần mã chi trinh» 牝馬之貞 (đức trinh tiết của ngựa cái). Ngựa còn có đức tính trung thành, một đức tính mà Nho gia rất coi trọng trong các mối quan hệ xã hội. Câu chuyện ngựa xích thố của Quan Vân Trường (tức Quan Công) thời Tam Quốc là một giai thoại tiêu biểu.



Người cưỡi ngựa (Nhân kỵ đồ 人騎圖) - tranh Triệu

Mạnh Phủ (đời Nguyên)

Ngựa xích thố mỗi ngày đi nghìn dặm (nên gọi là thiên lý câu). Lúc đầu xích thố thuộc Đồng Trác. Lý Túc và Lý Nho lập mưu bảo Trác đem vàng bạc châu báu

và ngựa xích thố tặng cho Lã Bố để mua chuộc Bồ bỏ cha nuôi là Đinh Nguyên mà đầu quân bên Trác. Khi Bồ thua chạy về thành Hạ Bì, bị quân Tào Tháo vây khốn. Thuộc hạ của Bồ là Hầu Thành ban đêm trộm ngựa rồi dâng Tào Tháo. Hôm sau hai thuộc hạ khác là Tống Hiến và Ngụy Tục lừa dịp Bồ ngủ bèn trộm cây phượng thiên họa kích và trói gô Lã Bố đem nộp cho Tháo. Sau khi Tháo xử trảm Lã Bố, ngựa xích thố thuộc về Tháo. Khi Quan Vũ tá túc bên Tào Tháo, được Tháo hết lòng trọng đãi, và ngựa xích thố là món quà của Tháo nhằm mua lòng Quan Vũ. Về sau khi Quan Vũ bị Tôn Quyền chém chết, ngựa xích thố nhịn ăn mà chết. Người đời lập miếu thờ ngài cũng đắp tượng thờ ngựa xích thố, và tục này cũng lan sang Việt Nam. Sự trung thành đối với chủ của ngựa (mã) cũng như chó (khuyển) luôn được người đời coi trọng. Những kẻ bội tín thường bị mạ lị khinh rẻ là thua cả loài chó ngựa.



Tranh của Từ Bi Hồng (1895-1953)

Ngựa – loài vật quý giá với đức tính tinh tiết và trung thành, đứng hàng thứ 7 trong 12 địa chi – xuất hiện trong tranh Trung Quốc như là biểu tượng của sự mau chóng và thành đạt. Thí dụ bức tranh có chủ đề phổ biến nhất là «mã đáo thành công» thể hiện qua một bầy ngựa phi nước đại gió bụi mịt mù. Nguyên ý câu này là «Kỳ khai đắc thắng, mã đáo thành công» 旗開得勝馬到成功 (Cờ phát [làm hiệu thì] chiến thắng, ngựa quay về [báo tin] thành

công). Ngày xưa khi xuất binh phải phát cờ hiệu, mà cờ đã phát rồi thì phải chiến thắng; tướng soái khi lấy đầu tướng giặc, chiến mã quay về tắt báo tin thành công. Ý nghĩa câu «mã đáo thành công» 馬到成功 ngày nay chỉ còn tượng trưng là tốc chiến tốc thắng. Và một bức tranh «mã đáo thành công» làm quà khai trương cho một cửa hiệu chỉ đơn giản tương tự như là «khai trương hồng phát» 開張鴻發 (mở cửa tiệm thì phát đạt lớn) chứ không có ý là mau chóng thành công nhờ ... cửa cổ khách hàng. Tranh vẽ một chú khỉ (hầu 猴) cưỡi trên lưng ngựa (mã thượng 馬上) lại là một lời cầu chúc tốt đẹp. *Hầu* 猴 (khỉ) đồng âm *hầu* 侯 (chức tước hầu); *mã thượng* 馬上 còn có nghĩa là ngay tức khắc. Do đó tranh chúc này có nghĩa rộng là «Chúc cho mau chóng thăng quan tiến chức».

Bát Tuần (tám con ngựa hay) của Chu Mục Vương (1001-746) đời Chu cũng là một chủ đề nổi tiếng trong tranh cổ. Mục Vương có 8 tuần mã, đặt tên khác nhau (Xích Kỳ, Đạo Ly, Bạch Nghĩa, Du Luân, Sơn Tử, Cừ Hoàng, Hoa Lưu, Duyên Nhĩ), và có một xa phu tên Tào Phụ, đánh xe đưa vua ngao du khắp nơi. Trong những miếu thờ dọc đường, người ta thấy tranh vẽ Mã Vương vốn là thần nhân xấu xí có 3 mắt, 4 tay, mang vũ khí. Đó là thần mà dân nuôi ngựa phải thờ cúng. Tương tự như thế, dân nuôi trâu bò thờ Ngưu Vương, cũng có tranh thờ trong miếu. Mã Vương được vẽ cùng với một con ngựa, Ngưu Vương được vẽ cùng với con trâu. Theo tin tưởng của dân chăn nuôi trâu và ngựa, hai vị thần này có thể bảo vệ ngựa và trâu bò khỏe mạnh, không bị tà ma quấy nhiễu.



Tắm ngựa (Dục mã đồ 浴馬圖)- Triệu Mạnh Phủ đời

Nguyên

Họa gia vẽ ngựa nổi tiếng đời Đường thì có Hàn Cán 韓幹 và Tào Bá 曹霸; đời Nguyên thì có Triệu Mạnh Phủ 趙孟頫. Hàn Cán (không rõ năm sinh và năm mất) người Kinh Triệu 京兆 (nay thuộc Thiểm Tây), có thuyết nói ông người Đại Lương 大梁 (nay thuộc Hà Nam). Ông làm chức Thái Phủ Tự Thừa 太府寺丞 (vào đời Đường, Thái Phủ Tự là cơ quan phụ trách ngân khố của hoàng cung), nhưng ông lại nổi tiếng về vẽ ngựa và vẽ nhân vật cũng như thầy ông là Tào Bá 曹霸. Tào Bá (không rõ năm sinh và năm mất) người quận Tiêu 譙 (nay là huyện Bạc 亳 của tỉnh An Huy) là họa gia của triều đình, chuyên vẽ ngựa và chân dung các công thần. Ông cũng giữ chức quan Tả Vũ Vệ tướng quân 左武衛將軍. Nhà thơ Đỗ Phủ xem tranh của Tào Bá vô cùng thích thú và không tiếc lời tán tụng. Đến đời Nguyên, thư pháp gia kiêm họa gia Triệu Mạnh Phủ (tức Triệu Tùng Tuyết) ghi nhận xét trong *Tùng Tuyết Trai Văn Tập* rằng: «Đời Đường có nhiều họa gia giỏi về vẽ ngựa, nhưng nổi bật nhất là Hàn (Cán) và Tào (Bá).» (Đường nhân thiện họa mã giả thậm chúng, nhi Hàn, Tào vi chi tối 唐人善畫馬者甚眾而韓曹為之最).



Mùa thu cho ngựa uống nước ở ngoại
thành
(Thu giao ẩm mã đồ 秋郊飲馬圖)- Triệu
Mạnh Phủ

Triệu Mạnh Phủ 趙孟頫 (1254-1322) tự là Tử Ngang 子昂, hiệu là Tùng Tuyết đạo nhân 松雪道人, Thủy Tinh Cung đạo nhân 水晶宮道人. Ông là đạo sĩ tại gia, nguyên quán Hồ Châu 湖州 thuộc Chiết Giang 浙江, và dòng dõi tôn thất nhà Tống. Cuối đời Nam Tống ông giữ chức Tư Hộ Tham Quân 司戶參軍 ở Chân Châu 真州. Qua đời Nguyên ông giữ nhiều chức quan như Binh Bộ Lang Trung 兵部郎中, Tập Hiền Trực Học Sĩ 集賢直學士, Tập Hiền Thị Giảng Học Sĩ 集賢侍講學士,

Hàn Lâm Học Sĩ 翰林學士, và được phong là Ngụy Quốc Công 魏國公. Người đời khen tặng ông là «Vinh tể ngũ triều, danh mãn tứ hải» 榮際五朝名滿四海 (Vinh hiển trải năm đời vua, danh tiếng đầy bốn biển). Khi mất, ông được tên thụy là Văn Mẫn 文敏. Về thư pháp ông giỏi đủ loại thư thể. Thể chữ Khải của ông (gọi là Triệu thể) thật yếu điệu kiều lệ, đứng ngang hàng với ba đại thư pháp gia đời Đường là Liễu Công Quyền, Nhan Chân Khanh, Âu Dương Tuân. Từ đời Nguyên đến nay người luyện chữ Khải phải nghiên tập không ngoài bốn kiểu chữ Khải của tứ đại thư pháp gia này. Không chỉ thế, Triệu Mạnh Phủ còn giỏi vẽ ngựa, nhân vật, trúc thạch, sơn thủy. Về vẽ nhân vật, ông chịu ảnh hưởng phong cách đời Tấn, đời Đường. Ông học vẽ ngựa nơi họa gia Lý Công Lân 李公麟, học vẽ sơn thủy nơi các họa gia Đổng Nguyên 董源 và Lý Thành 李成. Giới thưởng ngoạn xem ông là «Nguyên họa chi quán» 元畫之冠 (người đứng đầu hội họa đời Nguyên).



Tranh của Từ Bi Hồng (1895-1953)

Đến thời hiện đại, nổi tiếng vẽ ngựa có Từ Bi Hồng 徐悲鴻 (1895-1953). Ông quê ở Nghi Hưng 宜興, tỉnh Giang Tô 江蘇. Bi Hồng từng du học hội họa ở Pháp. Khi về nước ông vừa dạy hội họa vừa sáng tác. Ông

